

# MARKET INSIGHTS REPORTS

16.10.2024

Ở TRONG MUỐN ĐI RA, Ở NGOÀI KHÔNG  
MUỐN VÀO



# NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04 CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

05 TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG

06 PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

*Pre – Break out Set Up sẽ xuất hiện ?*

07 HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

07 CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

08 DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

08 TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ

09 BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

*½ khoản vay mua nhà tại Mỹ có lãi suất dưới 4.1%*

*Thanh khoản toàn cầu đang cải thiện hỗ trợ TTCK thế giới*

10 TTCK MỸ

*Dự báo các chỉ số chính giao dịch sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.*

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	432
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	153
Số cổ phiếu giảm giá	209
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	197
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	54
Số cổ phiếu giảm giá	73
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	70

### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	354
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	119
Số cổ phiếu giảm giá	140
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	95

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	36,282.18	50,215.23	(13,933.05)
% KL toàn thị trường	6.76%	9.36%	
Giá trị	1,172,638	1,503,170	(330,532)
% GT toàn thị trường	8.81%	11.29%	

### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	913.90	2,858.70	(1,944.80)
% KL toàn thị trường	6.76%	9.36%	
Giá trị	29,696	58,676	(28,980)
% GT toàn thị trường	3.78%	7.47%	

### UPCOM

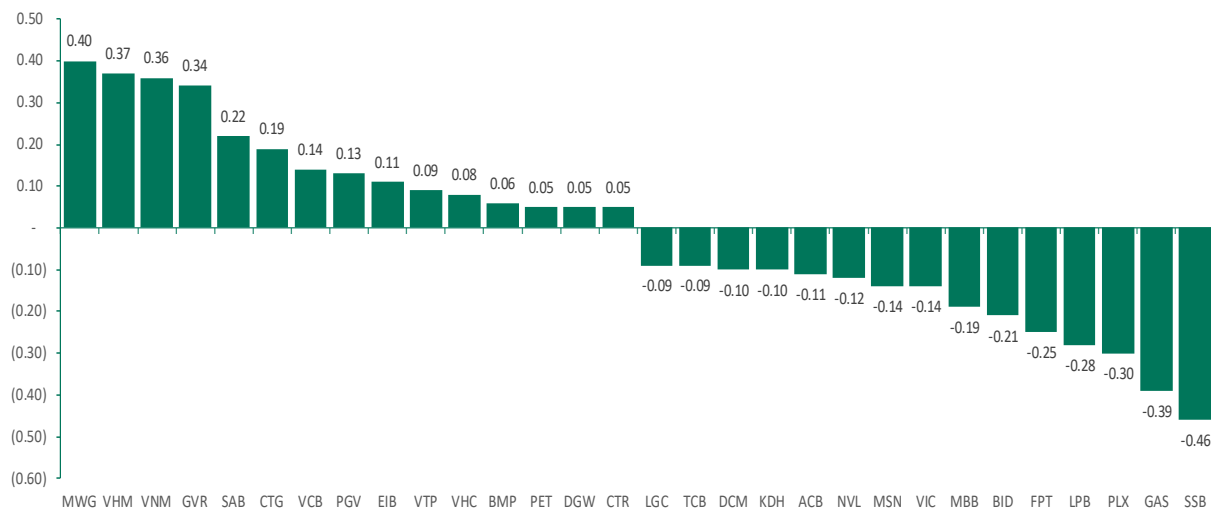
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	385.23	260.80	124.43
% KL toàn thị trường	1.37%	0.93%	
Giá trị	42,541	10,761	31,780
% GT toàn thị trường	7.85%	1.99%	

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,293,000	91,500	100 (0.11%)	15.08	2.81	6,067	511,402
2	BID	1,791,000	49,850	-150 (-0.3%)	11.80	2.11	4,223	284,167
3	FPT	2,756,000	136,300	-700 (-0.51%)	24.26	6.07	5,618	200,507
4	VHM	6,821,300	45,000	350 (0.78%)	8.43	0.95	5,341	195,947
5	CTG	3,778,300	36,300	150 (0.41%)	9.13	1.43	3,977	194,931
6	HPG	11,628,300	27,100	-50 (-0.18%)	14.22	1.60	1,906	173,338
7	TCB	9,019,700	24,200	-50 (-0.21%)	3.97	0.62	6,098	170,490
8	GAS	758,400	72,000	-700 (-0.96%)	14.45	2.33	4,981	168,672
9	VPB	17,841,900	20,850	0 (0%)	13.58	1.20	1,535	165,422
10	VIC	1,211,100	41,500	-150 (-0.36%)	43.46	0.98	955	158,682

## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
<b>Tất cả</b>	<b>-0.03%</b>	<b>+38.47%</b>	<b>1,597</b>
<b>Tài chính</b>	<b>-0.25%</b>	<b>+21.80%</b>	102
> Tổ chức tín dụng	-0.25%	+23.57%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.35%	+10.85%	60
> Bảo hiểm	+0.13%	+13.42%	13
<b>Bất động sản</b>	<b>-0.12%</b>	<b>-0.80%</b>	142
<b>Công nghiệp</b>	<b>+0.31%</b>	<b>+75.68%</b>	390
> Vận tải	+0.48%	+103.82%	134
> Tư liệu sản xuất	-0.03%	+16.98%	212
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	-0.10%	+164.77%	44
<b>Tiêu dùng thiết yếu</b>	<b>+1.47%</b>	<b>+41.56%</b>	162
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+1.48%	+41.54%	155
> Đồ gia dụng và cá nhân	-0.25%	+42.38%	6
> Bán lẻ thực phẩm và nhu yếu phẩm	-1.54%	+522.30%	1
<b>Nguyên vật liệu</b>	<b>-0.01%</b>	<b>+21.48%</b>	258
<b>Tiện ích</b>	<b>-0.20%</b>	<b>+7.46%</b>	148
<b>Tiêu dùng không thiết yếu</b>	<b>+0.16%</b>	<b>+30.95%</b>	262
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	+0.30%	+38.71%	126
> Hàng tiêu dùng và trang trí	-0.25%	+21.57%	92
> Dịch vụ tiêu dùng	-1.14%	-22.35%	32
> Xe và linh kiện	+1.72%	-11.52%	12
<b>Viễn thông</b>	<b>-1.65%</b>	<b>+219.10%</b>	49
> Viễn thông	-1.60%	+271.08%	22
> Truyền thông giải trí	-2.51%	-24.84%	27
<b>Công nghệ thông tin</b>	<b>-0.49%</b>	<b>+60.94%</b>	14
> Phần mềm	-0.49%	+61.22%	7
> Phần cứng	-0.22%	+19.27%	5
> Bán dẫn	0%	-14.61%	2
<b>Năng lượng</b>	<b>-1.10%</b>	<b>+36.90%</b>	21
<b>Chăm sóc sức khỏe</b>	<b>-0.07%</b>	<b>+25.18%</b>	49
> Dược phẩm - sinh học	0%	+26.91%	44
> Chăm sóc sức khỏe	-1.23%	+2.52%	5

### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 1.60 điểm (- 0.12%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Thực phẩm đồ uống và thuốc lá, xe và linh kiện, vận tải, phân phối bán lẻ hàng lâu bền, bảo hiểm...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ DRC, CSM, MCH, QNS, VNM, SAB, MPC, VHC, ANV, VTP, ACV, HAH, MWG, PNJ, DGW, PET, BVH, BIC... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) DRC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều ngắn hạn ở đáy – Tín hiệu tích cực ngắn hạn;
- ✓ **Quyết định cuối cùng của DOC:** Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã công bố quyết định cuối cùng về cuộc điều tra chống bán phá giá đối với lốp xe tải và xe buýt nhập khẩu từ Thái Lan, với mức thuế cao hơn so với dự đoán ban đầu. Mức thuế cuối cùng áp dụng: Bridgestone: 48,39% và Prinx Chengshan Tire và các công ty khác: 12,33%. Mức thuế sơ bộ trước đó: Prinx Chengshan Tire: 0% và Bridgestone và các công ty khác: 2,35%. Như vậy đây là thông tin tác động tích cực với DRC;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) VTP tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Kháng cự hiện tại là 95 – Vượt kháng cự này mở ra triển vọng tăng giá trung hạn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iii) CTR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu hình thành kênh tăng giá với độ dốc thoải từ khi tạo đáy ngày 02/08/2024;
- ✓ Kỳ vọng triển khai mạng 5G sẽ gia tăng lợi nhuận của CTR trong năm 2025;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iv) BVH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu vận động đi ngang quanh vùng 42 – 45;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

**(2) Viễn thông, truyền thông giải trí, viễn thông, bán lẻ thực phẩm nhu yếu phẩm, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ tiêu dùng, năng lượng, phần mềm, dịch vụ tài chính ...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như VNZ, VNB, VGI, FOX, HVA, TNH, NVT, BSR, PVS, PVD, FPT, CMG, SSI, VND, HCM, VCI, FTS... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) BSR giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Kháng cự 25 vẫn cản trở đà tăng và mỗi lần giá di chuyển tới khu vực này đều giảm;
- ✓ Hỗ trợ là vùng giá 22;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 60%;

(ii) VGI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Vùng giá vận động đi ngang từ 61 – 71;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(iii) TNH giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc thấp mới trong 2 tuần – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Mô hình vận động trung hạn là mô hình củng cố cho giá xuống. Vì vậy, TNH phải giữ vững mốc hỗ trợ 21 để xác nhận mô hình này sẽ thất bại;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(iv) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ RSI(14) đi xuống gợi ý giá có thể tiếp tục giảm;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại là vùng giá 26 – Tương ứng với MA(50);
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(v) FTS giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng co hẹp và cổ phiếu bám biên dưới – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

# PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Pre – Break out Set Up sẽ xuất hiện ?

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm là mô hình giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 327 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: STB, MWG, DGC, EIB, TPB, MSN, ACV, FUEVFNVD, HPG, BMP ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, HDB, VHM, DBC, VCB, MSB, VND, SHS, VIX, NLG...

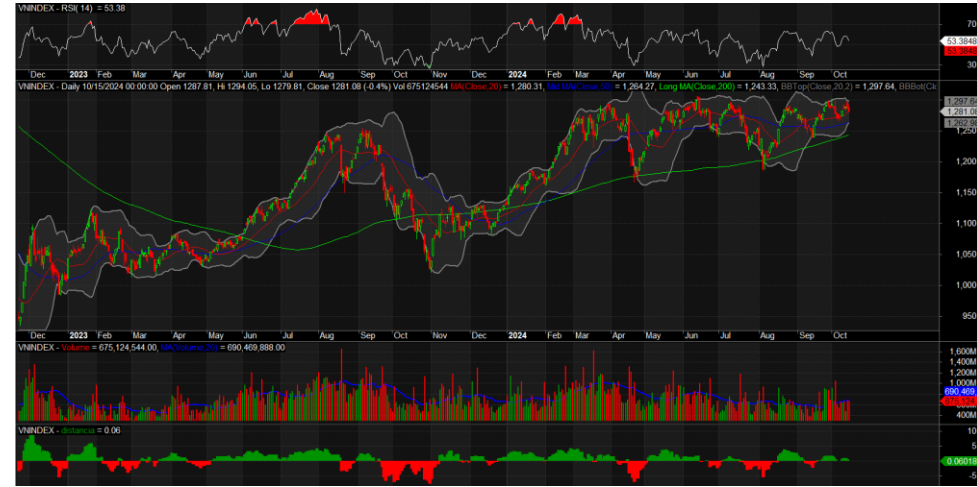
(ii) Hiện tại nếu nhìn tổng thể chúng ta thấy VN-Index dường như đang vận động theo mẫu hình VCP được Mark Minervini xây dựng dựa trên quy luật căn bản nhất trong giao dịch – quy luật cung – cầu. Đặc điểm của mẫu hình này là: (a) Qua các đợt thất chặt về biên độ giá kèm theo sự cạn kiệt về thanh khoản thể hiện rằng lực cung đang giảm dần. Khi không còn người bán hoặc người bán ít hơn nhiều so với người mua, giá sẽ có xu hướng tăng lên. (b) Các đáy được tạo sau mỗi lần thu hẹp biên độ được nâng cao dần thể hiện bên mua đang dần chấp nhận mức giá cao hơn. Đồng thời các đáy cao dần cũng có thể hiểu rằng lực xả bán đẩy giá xuống ngày càng yếu hơn. (c) Phiên breakout với thanh khoản vượt trội là điểm đánh dấu sự hoàn thành của mô hình. Trong phiên này lực mua áp đảo và bên mua chấp nhận mua đuổi bằng mọi giá. Như vậy, về cơ bản chúng ta vẫn phải chờ phiên Break out để xác định xu hướng trung hạn lớn. Trong ngắn hạn vùng giá 1,240 điểm vẫn là vùng hỗ trợ mạnh lúc này.

(iii) Về dòng tiền, thị trường các mã vốn hóa lớn vẫn được nhà đầu tư quan tâm như VHM, MWG...nhóm Viettel (VTP, CTR), PET, DPG, HAH... Về ơ bản dòng tiền phân tán không tập trung theo ngành. Hiệu suất của VTP, CTR, HAH... vẫn duy trì cho thấy chút ánh sáng cuối đường hầm của việc có thể mua đuổi vẫn có hiệu suất sinh lời tích cực. Tuy nhiên, chúng ta cần một sự tăng giá mạnh mẽ hơn ở nhiều nhóm để thu hút dòng tiền đầu cơ quay trở lại. Với kiểu giao dịch hiện tại, rõ ràng tâm lý nhà đầu tư đã rất bị quan và trạng thái thị trường dường như đang ở cảnh người cầm cổ phiếu muốn thoát ra khỏi vị thế nhưng người ở bên ngoài chưa mặn mả mua vào. Thanh khoản sụt giảm mạnh ở chiều giá xuống là tích cực nhưng nếu thanh khoản không cải thiện chiều lên thị trường khó có thể vượt 1,300 điểm ngay.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 05 mã cho tín hiệu mua, 06 mã cho tín hiệu bán, 19 mã cho tín hiệu đi ngang. BID, VIC, BVH, CTG, VHM...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 65.38% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Hỗ trợ là 1,255 điểm và kháng cự là 1,315 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index với mô hình VCP



## Biểu đồ cổ phiếu DIG



## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	494.56	494.74	494.39	YES	497.4	500.58	503.42	506.6	491.38	488.54	485.36	482.52
HNXINDEX	228.49	228.6	228.37	YES	229.14	230.02	230.67	231.55	227.61	226.96	226.08	225.43
UPINDEX	92.22	92.17	92.27	YES	92.54	92.76	93.08	93.3	92	91.68	91.46	91.14
VN30	1354.21	1354.26	1354.15	YES	1357.96	1361.83	1365.58	1369.45	1350.34	1346.59	1342.72	1338.97
VNINDEX	1279.74	1279.86	1279.61	YES	1283.07	1286.67	1290	1293.6	1276.14	1272.81	1269.21	1265.88
VNXALL	2114.45	2115.04	2113.86	YES	2120.76	2128.25	2134.56	2142.05	2106.96	2100.65	2093.16	2086.85
VN30F1M	1354.9	1355.05	1354.75	YES	1359.3	1364	1368.4	1373.1	1350.2	1345.8	1341.1	1336.7
VN30F1Q	1361.87	1360.9	1362.83	YES	1366.43	1369.07	1373.63	1376.27	1359.23	1354.67	1352.03	1347.47
VN30F2M	1362.07	1361.65	1362.48	YES	1366.13	1369.37	1373.43	1376.67	1358.83	1354.77	1351.53	1347.47
VN30F2Q	1360.63	1360.25	1361.02	YES	1365.17	1368.93	1373.47	1377.23	1356.87	1352.33	1348.57	1344.03
BCM	67.83	67.85	67.82	YES	68.17	68.53	68.87	69.23	67.47	67.13	66.77	66.43
ACB	25.73	25.73	25.74	YES	25.87	25.98	26.12	26.23	25.62	25.48	25.37	25.23
BID	50.05	50.15	49.95	NO	50.3	50.75	51	51.45	49.6	49.35	48.9	48.65
BVH	43.72	43.68	43.76	YES	44.03	44.27	44.58	44.82	43.48	43.17	42.93	42.62
CTG	36.22	36.18	36.26	NO	36.53	36.77	37.08	37.32	35.98	35.67	35.43	35.12
GVR	35.93	35.85	36.02	NO	36.27	36.43	36.77	36.93	35.77	35.43	35.27	34.93
FPT	136.47	136.55	136.38	YES	136.93	137.57	138.03	138.67	135.83	135.37	134.73	134.27
GAS	72.23	72.35	72.12	NO	72.47	72.93	73.17	73.63	71.77	71.53	71.07	70.83
HDB	26.92	26.85	26.98	NO	27.18	27.32	27.58	27.72	26.78	26.52	26.38	26.12
HPG	27.17	27.2	27.13	NO	27.23	27.37	27.43	27.57	27.03	26.97	26.83	26.77
MBB	25.52	25.52	25.51	YES	25.63	25.77	25.88	26.02	25.38	25.27	25.13	25.02
MSN	80.9	81.15	80.65	NO	81.8	83.2	84.1	85.5	79.5	78.6	77.2	76.3
MWG	65.17	65	65.33	NO	66.03	66.57	67.43	67.97	64.63	63.77	63.23	62.37
PLX	42.1	42.22	41.97	NO	42.6	43.35	43.85	44.6	41.35	40.85	40.1	39.6
POW	12.62	12.63	12.61	YES	12.73	12.87	12.98	13.12	12.48	12.37	12.23	12.12
SAB	57.57	57.45	57.68	NO	58.03	58.27	58.73	58.97	57.33	56.87	56.63	56.17
SHB	10.77	10.77	10.76	YES	10.83	10.92	10.98	11.07	10.68	10.62	10.53	10.47
SSB	16.9	17	16.8	NO	17.1	17.5	17.7	18.1	16.5	16.3	15.9	15.7
SSI	27.2	27.25	27.15	NO	27.35	27.6	27.75	28	26.95	26.8	26.55	26.4
TCB	24.2	24.2	24.2	YES	24.3	24.4	24.5	24.6	24.1	24	23.9	23.8
STB	33.5	33.45	33.55	NO	33.85	34.1	34.45	34.7	33.25	32.9	32.65	32.3
TPB	17.47	17.45	17.48	YES	17.58	17.67	17.78	17.87	17.38	17.27	17.18	17.07
VHM	44.88	44.83	44.94	NO	45.32	45.63	46.07	46.38	44.57	44.13	43.82	43.38
VCB	91.53	91.55	91.52	YES	91.77	92.03	92.27	92.53	91.27	91.03	90.77	90.53
VIB	19.15	19.15	19.15	YES	19.25	19.35	19.45	19.55	19.05	18.95	18.85	18.75
VIC	41.58	41.63	41.54	NO	41.72	41.93	42.07	42.28	41.37	41.23	41.02	40.88
VJC	105.17	104.85	105.48	NO	106.53	107.27	108.63	109.37	104.43	103.07	102.33	100.97
VPB	20.8	20.77	20.83	NO	20.95	21.05	21.2	21.3	20.7	20.55	20.45	20.3
VRE	18.75	18.77	18.73	NO	18.85	19	19.1	19.25	18.6	18.5	18.35	18.25
VNM	67.47	67.45	67.48	YES	68.13	68.77	69.43	70.07	66.83	66.17	65.53	64.87

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
DCM	5,334,500	2,652,310	201	-2.13
PET	4,201,000	907,280	463	6.99
PAN	2,663,500	1,278,720	208	0.2
<b>MST</b>	<b>2,508,300</b>	<b>1,006,660</b>	<b>249.17</b>	<b>0</b>
HVH	1,620,300	250,810	646	6.94
HAR	1,445,200	95,140	1,519	6.58
<b>DBD</b>	<b>1,266,600</b>	<b>377,670</b>	<b>335.37</b>	<b>2.67</b>
DVM	817,500	216,390	378	-4.35
MSR	781,100	272,750	286	2.27
<b>NTP</b>	<b>744,300</b>	<b>344,380</b>	<b>216.13</b>	<b>2.65</b>
CIG	603,200	165,990	363	-6.94
PSB	322,300	61,320	526	1.56
TDM	311,100	65,130	478	0.41
SDD	291,400	32,510	896	6.67
<b>HJS</b>	<b>272,100</b>	<b>44,290</b>	<b>614.36</b>	<b>-1.19</b>
PCH	250,000	104,520	239	3.2
TTH	244,100	106,000	230	3.57
PVI	215,200	70,630	305	0.84
MPC	147,900	41,120	360	0.64
<b>VTV</b>	<b>130,900</b>	<b>34,170</b>	<b>383.08</b>	<b>-4.55</b>
LSG	124,300	12,470	997	11.58
HTL	117,300	10,310	1,138	6.95
FUEKIV30	100,500	1,560	6,442	0
PDV	87,500	39,550	221	1.9
<b>DHA</b>	<b>84,800</b>	<b>40,290</b>	<b>210.47</b>	<b>1.62</b>
BCE	84,600	10,070	840	0
L18	70,500	30,900	228	0
PSD	67,600	31,430	215	0.77
HU4	67,500	8,040	840	0
HU3	65,000	13,340	487	8.33
TAB	53,200	22,050	241	-2.31
HVX	46,000	12,690	362	6.95
DPC	40,200	-	1.#J	0
PGT	38,700	9,190	421	-2.78
PTC	33,400	13,980	239	-2.69
DXV	33,000	16,020	206	1.35
GHC	32,600	16,180	201	1.99
KCB	32,100	3,930	817	0
CAT	28,000	1,100	2,545	-4.12
FOC	27,900	10,040	278	-1.92

- Lưu ý: DPM, PET...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
12-Oct	HAH	Mua	≤ 45	10% -20%	Giá nằm trên MA(20), MA(20) cắt lên MA(50)
12-Oct	ACV	Mua	≤ 115	10% -20%	Mô hình hai đáy, Bullish Falling Wedge

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 15/10, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.177 VND/USD, tăng 16 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.335 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.935 VND/USD, tăng mạnh 83 đồng so với phiên 14/10. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.250 VND/USD và 25.350 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 15/10, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục giảm từ 0,06 - 0,17 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần; cụ thể: ON 2,95%; 1W 3,18%; 2W 3,43 và 1M 3,77%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W, giao dịch tại: ON 4,84%; 1W 4,89%; 2W 4,93%, 1M 4,95%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động nhẹ trái chiều; chốt phiên với: 3Y 1,88%; 5Y 1,90%; 7Y 2,15%; 10Y 2,66%; 15Y 2,86%.
- Nghị quyết thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, không còn khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.

## Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;





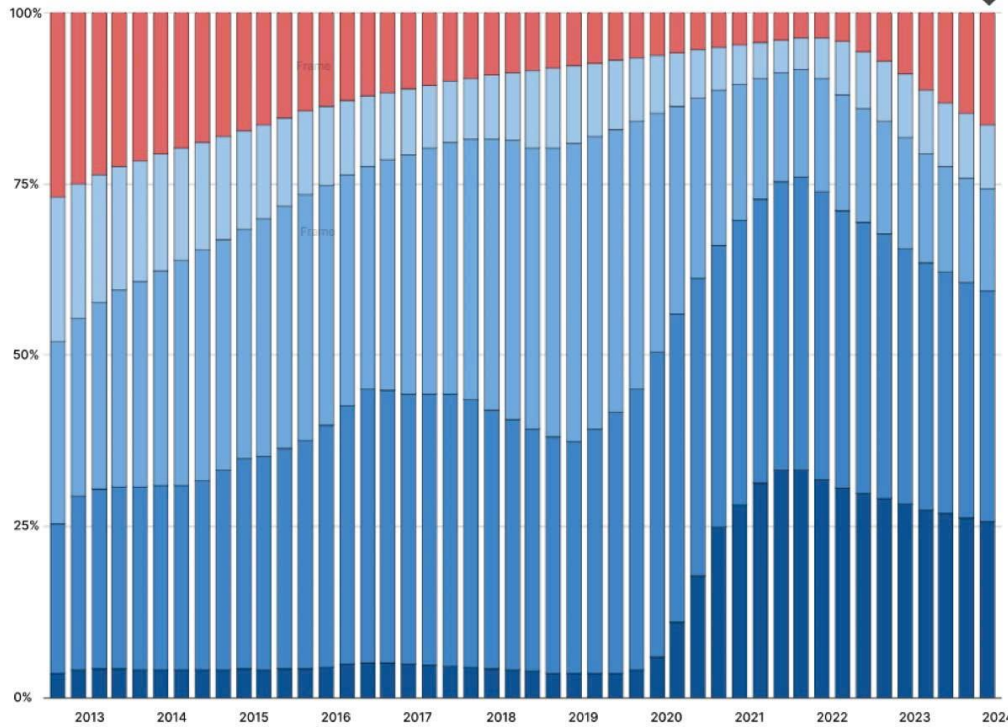
1/2 khoản vay mua nhà tại Mỹ có lãi suất dưới 4.1%

## Outstanding Mortgages by Interest Rate

The average mortgage rate across all outstanding loans is 4.10% - compared to the current 30-year fixed mortgage rate of 6.08%

■ < 3.00% 
 ■ 3.00% - 3.99% 
 ■ 4.00% - 5.00% 
 ■ 5.00% - 6.00% 
 ■ > 6.00%

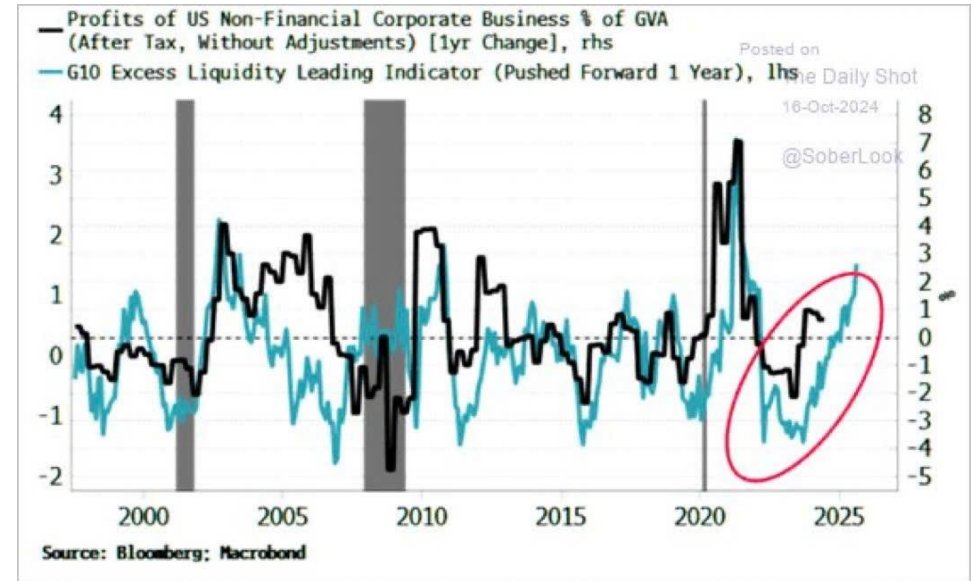
16.3% percentage of mortgages that have rates above 6%



wealthview

83.7% percentage of mortgages that have mortgage rates of 6% or below

Thanh khoản toàn cầu đang cải thiện hỗ trợ TTCK thế giới



Source: Bloomberg; Macrobond



ARKK sẽ có Break out ?



S&P 500 có cây nến tiêu cực nhưng trong năm nay những mô hình kiểu này ít ý nghĩa



Lợi nhuận GS tăng trưởng mạnh mẽ trong Q3/2024



Vốn hóa vừa và nhỏ sẽ tiếp tục tăng tốc ?



**Kết luận:** Dự báo các chỉ số chính giao dịch sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

(\*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



## CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)

Mở tài khoản ngay

